

Số: 108 /NQ-TrMN

Tân Châu, ngày 23 tháng 09 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM HỌC 2025-2026

Căn cứ quy định tại Điều 51 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10/11/2023 và Điều 20, 21, 22, 23 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân tại các cơ quan đơn vị. Công văn số 2593/HD-SGD&ĐT ngày 05/9/2025 của Sở GD&ĐT Nghệ An về việc Hướng dẫn tổ chức Hội nghị viên chức, người lao động năm học 2025-2026; Công văn số 394/UBND-VHXXH ngày 08/9/2025 của UBND - Phòng VHXXH Tân Châu; Hướng dẫn tổ chức Hội nghị viên chức, người lao động, năm học 2025-2026;

Hôm nay ngày 23 tháng 9 năm 2025, trường MN Diễn Lộc tổ chức Hội nghị viên chức, người lao động năm học 2025-2026.

Hội nghị đã thông qua dự thảo các báo cáo:

Báo cáo kiểm điểm, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025, triển khai nhiệm vụ công tác năm học 2025-2026;

Báo cáo Tổng hợp ý kiến đóng góp vào các báo cáo, các quy chế; các đề xuất, kiến nghị của viên chức, người lao động đóng góp vào quy chế cơ quan;

Báo cáo tổng kết hoạt động của Ban thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2023-2025, nhiệm vụ hoạt động thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2025-2027;

Trên cơ sở nhiệm vụ chính trị chung và chương trình công tác của đơn vị Hội nghị tập trung chỉ đạo thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ của năm học 2025-2026 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH.

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương.

Xã Tân Châu được thành lập vào tháng 7/2025 gồm có 4 xã cũ (Diễn Phú, Diễn Thọ, Diễn Lộc, Diễn Lợi) là một xã thuần nông, vị trí địa lý, giao thông đi lại thuận lợi, đời sống nhân dân ổn định.

Xã có 10 đơn vị trường học, có 4 Trường Mầm non, 4 Trường Tiểu học, 2 Trường THCS. Có 6 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; có 4 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Công tác phổ cập giáo dục luôn được địa phương quan tâm, đạt chuẩn PCGDTENT, đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ III, đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở. Năm học 2024-2025 có 04/10 trường đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, 6/10 Tập thể Lao động tiên tiến. Các hoạt động về văn hóa luôn được địa phương, các xóm quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt. Đời sống văn hóa của nhân dân ngày được nâng lên.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025-2026

Trường mầm non Diễn Lộc có 2 điểm, điểm A đặt ở vị trí trung tâm, tại Xóm Xuân Nho, điểm B đặt ở vị trí tại xóm Thượng Lộc xã Tân Châu, tỉnh Nghệ An. Trường có tổng diện tích 5.369.9 m². Trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường chuẩn Quốc gia mức độ I năm học 2019-2020 (công nhận lại lần 2). Trường đạt tập thể LĐTT năm học 2024-2025.

2.1. Đặc điểm các độ tuổi của trẻ;

- Trẻ mầm non hiện có mặt tại thời điểm tháng 9/2025 trên địa bàn trong độ tuổi từ 0-6 tuổi: **564** trẻ (có **1** trẻ sinh năm 2019 khuyết tật ở lại lớp), trong đó: Trẻ từ 0-2 tuổi: **244** trẻ; Trẻ từ 3-7 tuổi: **320** trẻ; trẻ học trái tuyến **40**.

TT	Năm sinh	Danh sách trẻ điều tra phổ cập				Trẻ học tại trường				Tỷ lệ %
		Tổng số trẻ điều tra	Trẻ chuyển đi	Trẻ đi nơi khác học	Trẻ hiện có tại địa bàn	Tổng số trẻ học tại trường	Nữ	Trẻ trong DS PC	Trẻ nơi khác đến học	
1	Trẻ 2025	44	0	0	44	0	0	0	0	0
2	Trẻ 2024	92	0	0	92	0	0	0	0	0
3	Trẻ 2023	117	7	2	108	52	25	51	1	47,2%
Cộng trẻ NT		253	7	2	244	52	25	51	1	21,3%
4	Trẻ 2022	127	11	11	105	115	55	105	10	100%
5	Trẻ 2021	129	11	14	104	118	66	104	14	100%
6	Trẻ 2020	123	3	10	110	124	46	110	14	100%
7	Trẻ 2019	1	0	0	1	1	0	1	0	K tật
Cộng trẻ MG		380	25	35	320	358	167	320	38	100%
Cộng tổng		633	32	37	564	410	192	371	39	72,8%

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý:

- Tổng số viên chức biên chế **30** người: (CBQL **3** người, giáo viên **25** người; nhân viên **2** người) Đảng viên **19/30** đạt tỷ lệ **63,3%**.

- TĐCM: Đạt chuẩn **100%** trên chuẩn Đại học là **25/30** người tỷ lệ **83,3%**;

- Tổng số hợp đồng người lao động **9** người; nhân viên nấu ăn cho trẻ **7** người; nhân viên bảo vệ **2** người. Đủ tiêu chuẩn về sức khỏe và năng lực để làm việc. Đảng viên **2/9** tỷ lệ **22,2%**

- TĐCM: Trung cấp **5/9** tỷ lệ **55,6%**; trình độ khác **4/9** tỷ lệ **44,4%**;

- Đội ngũ tỷ lệ **1.78** giáo viên/nhóm, lớp: Bố trí lớp mẫu giáo 5 tuổi, nhóm trẻ 2 GV/nhóm, lớp; lớp mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi **1,63** GV/lớp;

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; 2 điểm trường.

- Trường có 2 dãy nhà kiên cố 3 dãy nhà bán kiên cố, có **14/14** phòng học (phòng sinh hoạt chung, hoạt động, ăn, ngủ) đảm bảo diện tích là 55m²/phòng, bình

quân 1,5 m²/trẻ, đảm bảo các yêu cầu theo quy định; **9/14** nhóm, lớp có kho; **12/14** nhóm, lớp có nhà vệ sinh liền kề; Có đủ bàn ghế, đồ dùng trang thiết bị theo VBHN số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có 5 phòng chức năng, bổ trợ (2 âm nhạc, 1 tin học, 1 thể chất, 1 thư viện), có 12 phòng hành chính, bổ trợ (1 HT, 2 PHT, 1 VP, 1 y tế, 1 hành chính, 2 nhà bảo vệ, 2 khu để xe, 2 khu vệ sinh cho CBGV), có 2 bếp nấu đạt Mô hình bếp ăn tập thể đủ điều kiện ATTP. Có sân chơi, đồ chơi ngoài trời, cây xanh, bóng mát đảm bảo. Có hệ thống điện lưới, nước uống, nước sinh hoạt, mương thoát nước đảm bảo, rác thải được công ty thu gom theo quy định 4 lần/tháng.

3. Đánh giá chung

3.1. Thuận lợi:

Trường được Đảng ủy, Chính quyền các ban ngành, đoàn thể, nhân dân địa phương quan tâm chăm lo đầu tư về cơ sở vật chất. Đặc biệt phụ huynh quan tâm phối hợp chăm lo việc nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ tại trường.

- Đội ngũ CBQL, giáo viên đoàn kết, nhiệt tình, tâm huyết, yêu nghề, mến trẻ có trách nhiệm cao. Tỷ lệ giáo viên cơ bản đảm bảo để bố trí nhóm, lớp.

- Đời sống của nhân dân ngày càng được nâng lên, nhận thức của nhân dân về bậc học mầm non có những bước chuyển biến từ đó trong các hoạt động của nhà trường luôn luôn được quan tâm, ủng hộ.

3.2. Khó khăn:

- Có 2 điểm trường, Diện tích điểm trường A còn thiếu so với quy định. Các phòng chức năng, bổ trợ còn thiếu ở điểm trường A.

- Có 2 lớp đang dùng chung nhà vệ sinh và thiếu 5 phòng kho ở các lớp

- Dân cư phân bố không đều, không tập trung nên cũng ảnh hưởng đến việc bố trí sắp xếp nhóm, lớp.

- Một số trẻ bố mẹ đi làm ăn xa, trẻ ở với ông bà nội, ngoại, người thân, tạm trú, tạm vắng bất thường tại địa phương, cho nên số trẻ không ổn định.

II. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Triển khai đầy đủ chính sách phát triển GDMN; củng cố phổ cập cho trẻ 5 tuổi, tiến tới phổ cập 3-5 tuổi theo Nghị quyết 218/2025/QH15.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, đổi mới công tác quản trị nhà trường; tăng cường phối hợp thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục trong bối cảnh sáp nhập địa giới hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

3. Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; đẩy mạnh phát triển chương trình GDMN phù hợp với điều kiện địa phương, nhà trường. Tăng cường tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh.

4. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các mô hình: “Phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ”; “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”; Hỗ trợ trẻ 5 tuổi trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học; Chương trình “Xã giúp xã, trường giúp trường”.

5. Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng; rà soát, các tiêu chuẩn, điều kiện trường chuẩn quốc gia mức độ 1. Tập trung huy động các nguồn lực, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; nâng cao chất lượng, phát triển đội ngũ đáp ứng yêu cầu đổi mới.

6. Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho trẻ em và giáo viên, nhân viên, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, quan tâm giáo dục trẻ em khuyết tật học hòa nhập.

7. Đẩy mạnh và ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CDS), công tác truyền thông về GDMN.

8. Chỉ tiêu thi đua

8.1. *Danh hiệu tập thể:*

- Tập thể: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. **LĐXS.**
- Tổ CM đạt tiên tiến xuất sắc: **2/2** tỷ lệ 100%;
- Nhóm, lớp tiên tiến xuất sắc: **14/14** tỷ lệ 100%.

8.2. *Danh hiệu cá nhân:*

- Lao động tiên tiến: **30** người.
- Sáng kiến kinh nghiệm cấp cơ sở: **10 bản/14 người.**
- CSTĐ cấp cơ sở: **14** người.
- CSTĐ cấp tỉnh; **1** người.
- Giấy khen của CTUBND xã; **13** người.
- Bằng khen UBND tỉnh: **0** người.

III. CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Truyền thông về các chủ trương, chính sách, các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

- 100% CBGVNV được tiếp cận các văn bản của ngành giáo dục, nhà trường; phát hành qua vnptioffice.vn; mndienloc.dc@nghean.edu.vn; Web của trường, đồng thời gửi các văn bản cho các tổ chuyên môn, các bộ phận, CBGVNV. Nhận thư, gửi thư cho các tổ chuyên môn, các bộ phận, CBGVNV qua hộp thư điện tử cho giáo viên bằng mail. chuyenmondienloc@gmail.com, Tạo phòng họp Zoom, Zalo, facebook, Messenger của nhóm.

- Phân công thực hiện công khai

+ Phó hiệu trưởng (PHT) Cao Thị Hiền nội dung giáo dục chính khóa (9 chủ đề), phổ biến kiến thức GDMN, hoạt động tập thể, ngày lễ hội, giáo dục tăng cường, ngoại khóa, các cuộc giao lưu, hội thi,...

+ PHT Nguyễn Thị Dung công khai trước 15h30 hàng ngày (thực đơn, thực phẩm, đơn giá, số tiền,...) và Nhân viên y tế nội dung vệ sinh, sức khỏe, phòng chống dịch bệnh,...

+ Nhân viên Phan Thị Hòa kế toán nội dung tài chính, chế độ chính sách, mua sắm, ...

- 100% nhóm, lớp có nhóm zalo, bảng biểu để tuyên truyền, có ứng dụng công nghệ thông tin để tuyên truyền. Phụ huynh được nghe phổ biến các chủ trương chính sách về GDMN, Chương trình GDMN, Kiến thức nuôi dạy trẻ, các kế hoạch của nhà trường.

2. Quy mô phát triển số lượng;

- Tổng số nhóm lớp: 14/14; Trong đó: Nhóm trẻ 24-36 tháng: 02; Mẫu giáo: 12 (MG 3-4 tuổi: 04 lớp; MG 4-5 tuổi: 4 lớp; MG 5-6 tuổi: 4 lớp).

- Trẻ mầm non trong độ tuổi từ 0-6 tuổi: trong danh sách phổ cập 633 trẻ, trong đó chuyển đi 32 trẻ; đi học nơi khác 37 hiện có 564 trẻ: Trẻ từ 0-2 tuổi: 244 trẻ; Trẻ từ 3-6 tuổi: 320 trẻ. Số trẻ học tại trường 410 trong đó trẻ trên địa bàn 371 trẻ; trẻ nơi khác đến học 39 trẻ.

TT	Nội dung	Tổng lớp	Tổng cháu	Nhà trẻ	Tỷ lệ %	Mẫu giáo	Tỷ lệ %
1.	KH phê duyệt	14	391	50/186	26,9%	341/364	93,7%
2.	KH duyệt tuyển sinh	14	392	50/244	20,5%	342/369	92,7%
3.	KH thực hiện	14	410	52/244	21,3%	359/359	100%

- Trẻ 2 tuổi 51/108 tỷ lệ 47,2% (có 01 cháu học trái tuyến = 52)
 - Trẻ 3 tuổi 105/105 tỷ lệ 100% (có 10 cháu học trái tuyến = 115)
 - Trẻ 4 tuổi 104/104 tỷ lệ 100% (có 14 cháu học trái tuyến = 118)
 - Trẻ 5 tuổi 110/110 tỷ lệ 100% (có 14 cháu học trái tuyến = 124+1=125)
 - Thành lập nhóm điều tra; CBGVNV thực hiện tốt công tác điều tra, phổ cập rà soát nắm bắt, lập danh sách báo cáo chính xác trẻ từ 0-6 tuổi (trẻ sinh năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025) trẻ từ nơi khác chuyển đến và trẻ chuyển đi nơi khác.

3. Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ;

- 100% nhóm, lớp, giáo viên đảm bảo an toàn cho trẻ trong năm học.
 - 100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất, tinh thần. Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý nhóm, lớp đảm bảo ***“Trẻ ở đâu, cô ở đó”***; ***“Cô giáo là mẹ hiền”***

Đảm bảo ba “yên”; ***“trẻ yên vui, cô giáo yên tâm, phụ huynh yên lòng”***.

- Phòng y tế đầy đủ đồ dùng, dụng cụ, vật tư y tế cần thiết, được kiểm kê định kỳ, mua tài liệu có kế hoạch phòng chống dịch theo mùa. Niêm yết số điện thoại khẩn cấp; (*cấp cứu, công an, trạm y tế*)

- 100% nhóm, lớp, giáo viên cam kết, chịu trách nhiệm, thực hiện tốt đạo đức nhà giáo, văn hóa ứng xử, không bạo hành trẻ. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước....

- 100% CBGVNV, người lao động được tập huấn kiến thức về đảm bảo an toàn cho trẻ.

4. Nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

4.1. Nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

- 100% trẻ ăn bán trú, mức ăn 20.000đ/ngày/trẻ; Quản lý, theo dõi bằng phần mềm ***“ Viettec”***;

+ *Số bữa ăn*: Nhà trẻ hai bữa chính, một bữa phụ; trong 1 tuần có thể thay 1-2 bữa cơm bằng cháo/miến; mẫu giáo 1 bữa chính, 1 bữa phụ; Nước uống đun sôi để nguội chỉ sử dụng trong ngày. Thường xuyên vệ sinh đồ dùng, dụng cụ đựng nước, có giá, kệ.

+ *Chế độ ăn*: Thực đơn đảm bảo khẩu phần, xen kẽ, thay đổi cách chế biến, chế biến tuân thủ “10 nguyên tắc vàng VS ATTP”, món ăn không trùng lặp trong 1 ngày, 2 tuần liên nhau. Tối thiểu 3 món (*Com, món mặn và canh*); Tổ chức 4 -5 món (*Com, món mặn, món xào/hấp và canh*); Tăng cường rau xanh, tự trồng, mua, ưu tiên thực phẩm sẵn có ở địa phương, hạn chế thực phẩm chế biến sẵn. Đảm bảo phù hợp với độ tuổi, tỷ lệ dưỡng chất, năng lượng, cân đối, hợp lý.

+ *Tổ chức ăn*: Tổ chức nhiều hình thức như: theo suất ăn hàng ngày, ăn tự chọn (Bupfe) mỗi độ tuổi ở mẫu giáo ít nhất 1 lần/năm học, trẻ ăn theo suất chia bằng khay mỗi độ tuổi ở mẫu giáo ít nhất 4 lần/tháng. Tổ chức chương trình sữa học đường đạt 80% trở lên.

+ *Tổ chức ngủ*: Phòng ngủ phải đảm bảo yên tĩnh, sạch sẽ, thoáng mát, nhiệt độ ánh sáng phù hợp. Đồ đồ dùng, kích thước phù hợp, chất liệu đảm bảo an toàn (*phần, chiếu, chăn, gối*). Trẻ ngủ đủ thời gian theo độ tuổi. Bố trí riêng khu vực trẻ trai, trẻ gái, không kê gần kệ/tủ đồ chơi, không nằm thẳng quạt trần, giáo viên trực theo dõi, kịp thời điều chỉnh tư thế, trang phục, đồ dùng,..và các tình huống bất thường xảy ra.

- Bếp ăn đảm bảo đầy đủ dụng cụ cần thiết, đảm bảo VSATTP.

- 100% trẻ được kiểm tra khám sức khỏe 1 lần/năm, cân, đo, theo dõi BDPT theo quy định 3 lần/năm. Quản lý, theo dõi trẻ bằng phần mềm “**Sổ sức khỏe điện tử**”; Tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân từ 2,5-3% và thấp còi từ 3-3,5%; Thừa cân, béo phì từ 2-2,5%; 80% trẻ SDD, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp;

- 100% nhóm, lớp, trẻ có đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân có ký hiệu riêng (*cốc uống nước, bảo quản trong tủ, vệ sinh hàng ngày*); (*mỗi trẻ tối thiểu 2 khăn mặt*). Thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt vệ sinh cá nhân hàng ngày trẻ rửa tay sau khi đi vệ sinh, trước và sau khi ăn, khi thấy bẩn, đúng quy trình 6 bước; Trẻ lau mặt trước/sau khi ăn, sau khi ngủ dậy, khi bẩn.

- Vệ sinh phòng nhóm, lớp học, môi trường ngoài: Phòng học sạch sẽ, thoáng mát mùa hè, ấm áp mùa đông. Quét, lau sàn nhà ít nhất 4 lần/ngày. Đồ dùng, dụng cụ vệ sinh đầy đủ, để đúng nơi quy định. (*chổi, cọ, nước tẩy, rửa, thùng rác,...*)

4.2. Nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

***Thời gian, triển khai thực hiện chương trình:**

- 100% nhóm, lớp, giáo viên thực hiện nghiêm túc hiệu quả chế độ sinh hoạt của trẻ theo qui định. Không cắt xén hoạt động trong ngày nhất là hoạt động góc, hoạt động ngoài trời. Chương trình GD các độ tuổi đảm bảo đủ 35 tuần. Tổ chức các hoạt động giáo dục linh hoạt, có đồ dùng trực quan, ứng dụng các phương tiện, kỹ thuật, công nghệ, sử dụng có hiệu quả trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi theo thông tư.

- 100% nhóm, lớp, trẻ thực hiện nội dung quan điểm; “*Lấy trẻ làm trung tâm*” trẻ được tham gia, khám phá, trải nghiệm, tư duy sáng tạo, gợi mở trí tò mò, hợp tác

nhóm và phát triển tối đa tiềm năng cá nhân.; Mô hình “*Phối hợp Gia đình, Nhà trường và Cộng đồng*” trong công tác NDCSGD trẻ”. Khai thác hiệu quả “thư viện mở” trên sân trường, tổ chức ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam (21/4 hàng năm) giúp trẻ làm quen với sách, yêu thích sách. Xây dựng môi trường giáo dục “Sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện”.

- 4/4 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi tổ chức thực hiện nội dung hoạt động: “*Hỗ trợ trẻ 5 tuổi giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học*”; giao lưu văn nghệ với trường Tiểu học Diên Lộc, thăm quan, tìm hiểu về trường trường Tiểu học.

- Tổ chức cho trẻ khối 4-5 tuổi; 5-6 tuổi thực hành trải nghiệm: *tham quan di tích lịch sử Đền Hạc linh sơn, đài liệt sĩ, cánh đồng lúa, phiên chợ tết; chương trình: “Tôi yêu Việt Nam”* với chủ đề Giao thông và các chủ đề lồng ghép tích hợp phù hợp.

- Tổ chức các hoạt động tập thể, các ngày hội lễ: Hát Quốc ca ngày thứ 2, Ngày Hội của bé đến trường; Tết Trung Thu; ngày 20/10; ngày 22/12; ngày tết nguyên đán; ngày 8/3; ngày 30/4; ngày sinh nhật Bác, ngày tổng kết cuối năm học.

- Lựa chọn, ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến **STEM** là phương pháp giáo dục tích hợp (*khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học*), **Montessori** tập trung vào sự phát triển cá nhân, độc lập và tự chủ,.. phương pháp **Reggio Emilia** là sự hợp tác là việc nhóm và sáng tạo trong môi trường mở tự do khá phá, đặt câu hỏi và phát triển ý tưởng bất ngờ. Thực hiện và ứng dụng linh hoạt, phù hợp hoạt động “Trò chuyện sáng” theo phương pháp giáo dục **Unis** một chủ đề 1-2 hoạt động. Nhưng đều phải đảm bảo đáp ứng mục tiêu, nội dung Chương trình GDMN, phù hợp độ tuổi, điều kiện trường, lớp, địa phương.

- 100% nhóm, lớp thực hiện tốt công tác đánh giá trẻ: nội dung đánh giá trẻ cuối ngày, đánh giá cuối chủ đề, cuối giai đoạn đối với trẻ nhà trẻ, cuối độ tuổi đối với trẻ mẫu giáo trong đó phần đầu đạt mục tiêu giáo dục trẻ mẫu giáo 95-97%, trẻ nhà trẻ 93-95% cụ thể:

- + Lĩnh vực phát triển thể chất: Nhà trẻ đạt 95-97%; mẫu giáo đạt: 97-98%.
- + Lĩnh vực phát triển nhận thức: Nhà trẻ đạt 93-95%; mẫu giáo đạt: 95-97%.
- + Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ: Nhà trẻ đạt 93-95%; mẫu giáo đạt: 95-97%.
- + Lĩnh vực phát triển TCKNXH: Nhà trẻ đạt 93-95%; mẫu giáo đạt: 95-97%.
- + Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ: Mẫu giáo đạt: 96-97%.

*** Phát triển chương trình**

Xây dựng số tiết giáo dục tình cảm xã hội hình thành phẩm chất mạnh dạn, tự tin, tự lực; kỹ năng sống; kỹ năng tự phục vụ; kỹ năng an toàn; kỹ năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề mỗi chủ đề tổ chức 1-2 hoạt động.

*** Tổ chức các hoạt động chương trình giáo dục tăng cường;**

- *Hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh:* Theo Thông tư 50/2020/TT-BGDĐT: Tổ chức thông qua trò chơi, bài hát, truyện kể,...giúp trẻ phát triển kỹ năng nghe, nói cơ bản, hình thành hứng thú học ngoại ngữ ở cấp học tiếp theo.

- *Hoạt động giáo dục phát triển thể chất, nghệ thuật:* Erobic, múa

- *Tiếp cận công nghệ số:* cho trẻ làm quen thiết bị công nghệ, phát triển tư duy logic, kỹ năng giải quyết vấn đề.

- *Thời gian tổ chức*: Các chương trình tăng cường bố trí linh hoạt vào các thời điểm khác nhau trong ngày, không làm thay đổi khung thời gian năm học, đảm bảo phù hợp với điều kiện của nhà trường, thống nhất của phụ huynh, phải đạt được mục tiêu của các chương trình tăng cường và mục tiêu của chương trình GDMN.

- *Điều kiện tổ chức*: Nhà trường chỉ tổ chức khi đủ điều kiện về CSVC, tổ chức thực hiện trên tinh thần tự nguyện của cha mẹ trẻ. Theo Nghị quyết 31/2020/NQ-HĐND; công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT;

5. Chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

- Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ đạt 80% trở lên.
- Trẻ được hưởng chế độ chính sách.
- Rà soát, thống kê trẻ có hoàn cảnh khó khăn, bản thân khó khăn trong hoạt động, học tập, trẻ có dấu hiệu khác mà chưa được nhà nước công nhận để hưởng chế độ chính sách, cần được giáo viên phát hiện có sự hỗ trợ của nhà trường, cộng đồng.

6. Bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, hiệu lực, hiệu quả đổi mới công tác quản lý nhà trường.

6.1. Công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực, đánh giá đội ngũ nhà giáo.

- Cán bộ giáo viên tham gia bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn theo kế hoạch của trường và nội dung chương trình quy định tại *Thông tư 11/2019/TT-BGD&ĐT ban hành chương trình BDTX cán bộ quản lý mầm non; Thông tư 12/2019/TT-BGD&ĐT ngày 26/8/2019 ban hành chương trình BDTX giáo viên mầm non và kế hoạch của nhà trường*. Phần đầu 100% đạt khá trở lên trong đó 50% đạt loại giỏi.

- CBQL, GV tự đánh giá xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp *Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT đối với CBQL; Thông tư 26/2018/QĐ-BGDĐT ngày 08/10/2018* đối với giáo viên mầm non; trong đó phần đầu đạt 100%, CBGV được đồng nghiệp đánh giá loại khá trở lên, không có loại trung bình và đạt yêu cầu.

- 100% CBGVNV được đánh giá xếp loại theo *Nghị định 48/2024/NĐ-CP ngày 17/7/2024 Nghị định của chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của NĐ 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020* và các văn bản hiện hành, không có viên chức không hoàn thành nhiệm vụ.

- 100% CBGV UDCNTT thành thạo, 100% GV sử dụng giáo án điện tử, AI, Các loại hồ sơ và chuyên lên Drive.... mamnondienloc@gmail.com, số hóa mã QR.

- 100% NVND tham gia tập huấn chế biến món ăn cho trẻ và tập huấn kiến thức về VSATTP.

6.2. Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ.

- Các hình thức và nội dung kiểm tra nhiệm vụ năm học:
 - + Kiểm tra thường xuyên: *nề nếp, tinh thần, thái độ làm việc*;
 - + Kiểm tra đột xuất: *kế hoạch bài dạy, dự giờ*; kiểm tra định kỳ *CSVC, PCCC, Tài chính*:

+ Kiểm tra chuyên đề: *Công tác tuyển sinh; Các khoản thu đầu năm; Chế độ chính sách nhà giáo, của trẻ; “Tổ chức bán trú, vệ sinh ATTP, CSVC, tài sản, tài chính, thiết bị dạy học; tổ chuyên môn.*

- 100% CBGVNV được giao quyền, tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

6.3. Đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn

- Thành lập tổ chuyên môn theo quy định, phân các bộ phận sinh hoạt.

- Bố trí về thời gian sinh hoạt thường kỳ tổ chuyên môn mỗi tháng 2 buổi chiều phù hợp tình hình của nhà trường. Hai bộ phận sinh hoạt theo quý và đột xuất khi cần. Có kế hoạch, có biên bản họp. Phần đánh giá xếp loại, sinh hoạt thường kỳ theo tổ chuyên môn đã phân công. sinh hoạt theo nghiên cứu bài học.

. Các thành viên trong tổ chuyên môn, các bộ phận sẽ được triệu tập sinh hoạt bất thường, đột xuất vào cuối buổi chiều (nếu có công việc cần).

- Hồ sơ đảm bảo chất lượng, nội dung, hình thức sinh hoạt phong phú đa dạng.

7. Công tác cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi và tài chính.

7.1. Công tác cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi.

- Tham mưu xây dựng CSVC, mua sắm đồ dùng thiết bị theo *Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 tiêu chuẩn về CSVC; Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGD&ĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GD&ĐT danh mục đồ dùng, đồ chơi thiết bị cho trẻ mầm non; TT 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 về thư viện; TT 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 trường chuẩn quốc gia KĐCL;*

- Mua bổ sung đồ dùng thiết bị các phòng chức năng. Sử dụng các phòng chức năng hiện có hiệu quả.

- Giáo viên khai thác, bảo quản, sử dụng đồ dùng đồ chơi hiệu quả.

- 100% trẻ có đủ đồ dùng cá nhân, đồ dùng học liệu để học.

7.2. Công tác tài chính.

- Xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn để huy động các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Huy động, vận động nguồn tự nguyện, nguồn thỏa thuận, các nguồn hợp pháp khác đúng quy trình, quy định của Luật pháp và văn bản hiện hành.

- *Phổ biến Nghị quyết số 217/2025/QH15 về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em MN, học sinh PT, người học trong chương trình GDPT trong cơ sở GD thuộc hệ thống GD quốc dân; Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

- Thu đúng, thu đủ, không để thất thu theo văn bản quy định, ký cam kết không phát sinh các khoản thu.

8. Công tác nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia.

8.1. Công tác nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

- Duy trì giữ vững phổ cập trẻ 5 tuổi. Phần đầu đạt Phổ cập giáo dục TENT năm 2025.

- *Phổ biến Nghị quyết 218/2025 của Quốc hội về phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;*

- Trẻ 5 tuổi theo điều tra phổ cập **123** trẻ; chuyển đi **3**; đi học nơi khác **10** trẻ; học tại trường **110/110** tỷ lệ ra lớp 100% (trẻ 5 tuổi trên địa bàn **110**; trẻ trái tuyến **14** và **1** trẻ 6 tuổi khuyết tật = **125** cháu);

- Tỷ lệ chuyên cần; trẻ MG 5 tuổi trên 95%, dưới 5 tuổi trên 92%. Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN 100% ;

8.2. Công tác Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia.

- Xây dựng chiến lược giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn 2035.

- Giữ vững trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, KĐCLGD cấp độ 2.

- Tiến hành thực hiện cải tạo tu sửa, mua sắm bổ sung CSVC đảm bảo công nhận lại trường chuẩn quốc gia mức độ 1, KĐCLGD cấp độ 2 vào năm học 2025-2026.

- Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá

9. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

9.1. Công tác xã hội hóa

- Tích cực tuyên truyền vận động hoàn thành tốt kế hoạch tài trợ năm học.

- Tu sửa, mua sắm theo hướng đạt chuẩn và hiện đại hóa.

9.2. Hội nhập quốc tế

- Tăng cường tuyên truyền vận động phụ huynh cho trẻ tiếp cận tiếng anh.

- Thường xuyên áp dụng các phương pháp tiên tiến.

- Mua sắm đồ dùng đồ chơi theo hướng hiện đại.

10. Các phong trào, hoạt động giáo dục khác

10.1. Cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

-100% Cán bộ, GV, NV thực hiện cải cách hành chính trong cơ quan.

-100% Cán bộ, GV, NV ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong công tác quản lí, dạy học, các phần mềm.

10.2. Công tác dân chủ cơ sở, dân vận chính quyền, công khai.

- Tổ chức thành công hội nghị viên chức, người lao động.

- Tuyên truyền vận động CBGVNV thực hiện tốt nghị quyết đề ra.

- Công khai đầy đủ, kịp thời.

10.3. Đảm bảo an ninh trường học, an toàn xã hội, an toàn giao thông, phổ biến pháp luật, Phòng chống cháy nổ.

- Phối hợp tốt với công an, ban an ninh xã trong công tác đảm bảo an ninh trường học, an toàn xã hội, an toàn giao thông, chống các tệ nạn xã hội.

- Đảm bảo an toàn con người, tài sản không có cháy nổ xảy ra trong trường học.

- Đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

IV. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Chương trình giáo dục chính khóa. (Nội dung chương trình, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình GDMN)

1.1. Khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình trong năm học (Phụ lục 1)

1.2. Kế hoạch hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các độ tuổi (Phụ lục 2)

2. Chương trình hoạt động giáo dục ngoài chính khóa.

2.1. Làm quen tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo (Phụ lục 4)

2.2. Hoạt động giáo dục kỹ năng cho trẻ mẫu giáo (Phụ lục 5)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chế độ công tác

- Thực hiện theo bộ quy chế: quy chế Nội bộ được công khai trên Website, mail: mndienloc.dc@nghean.edu.vn, chuyenmondienloc@gmail.com; meessger; zalo...

- Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; chỉ đạo phó hiệu trưởng và các bộ phận, tổ chức liên quan xây dựng các loại kế hoạch khác; thông qua Ban giám hiệu, cán bộ mở rộng, bàn bạc thống nhất và chỉ đạo thực hiện theo kế hoạch.

- Ban giám hiệu tổ chức hội ý, họp giao ban và đột xuất khi có công việc cần.

- Hàng tháng xây dựng kế hoạch, lịch công tác, nội dung các cuộc họp.

2. Chế độ kiểm tra, giám sát

- Phân công các bộ phận trong nhà trường hàng tháng, hàng kỳ kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch, tiến độ thực hiện, để điều chỉnh kịp thời các nhiệm vụ và các chỉ tiêu cho phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học.

3. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân, tổ chức :

(có Quyết định và phân công nhiệm vụ)

4. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân, tổ chức :

Hội nghị kêu gọi toàn thể viên chức, người lao động trong đơn vị đoàn kết, nhất trí, chung sức, đồng lòng, phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, phấn đấu hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Hội nghị đã đề ra, góp phần xây dựng nhà trường ngày càng lớn mạnh.

Nơi nhận:

- Chi bộ, CBQL(B/c)
- Các phòng ban, TCM GV (T/h)
- Lưu VP, HS

**CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**



Cao Thị Hà